



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Hơi Kỹ nghệ Que Hàn

Ngày 30/06/2025	6,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.3%	11.1%	20.0%

DT thuần Q2/25
67.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.0 19.6%
YoY: ▲ 7.50 12.6%

LN thuần Q2/25
-1.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 1.57 -1960%
YoY: ▼ 1.18 -380%

LN sau thuế Q2/25
-1.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 1.15 -1923%
YoY: ▼ 0.82 -305%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
0.0%
YoY: +/- ▼ 1.9%

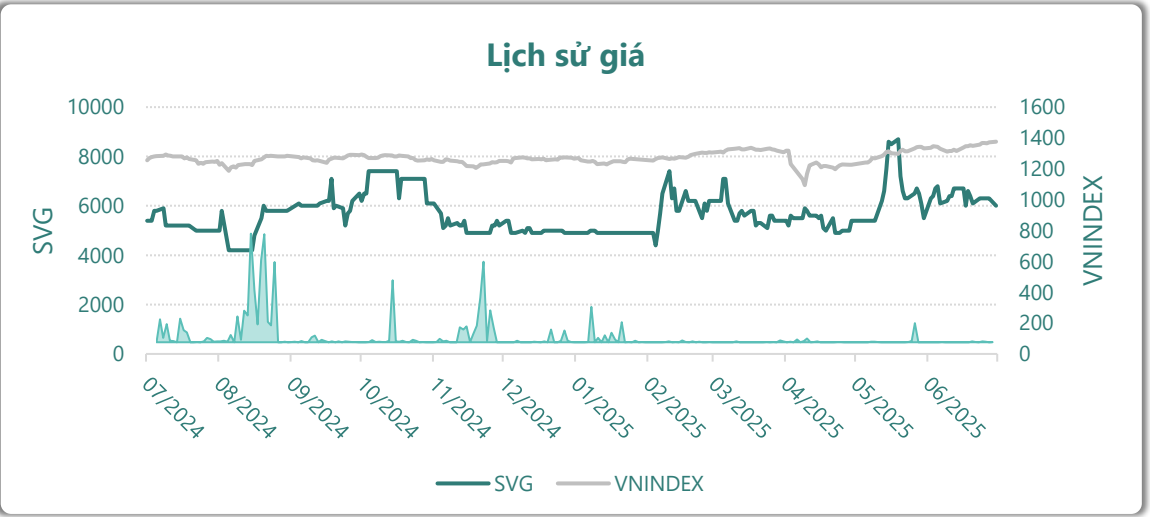
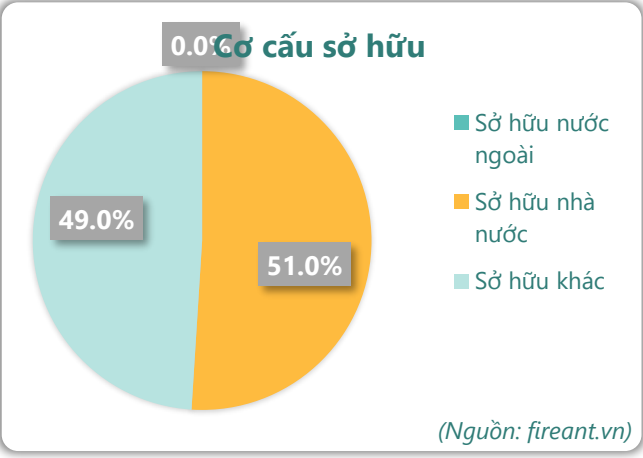
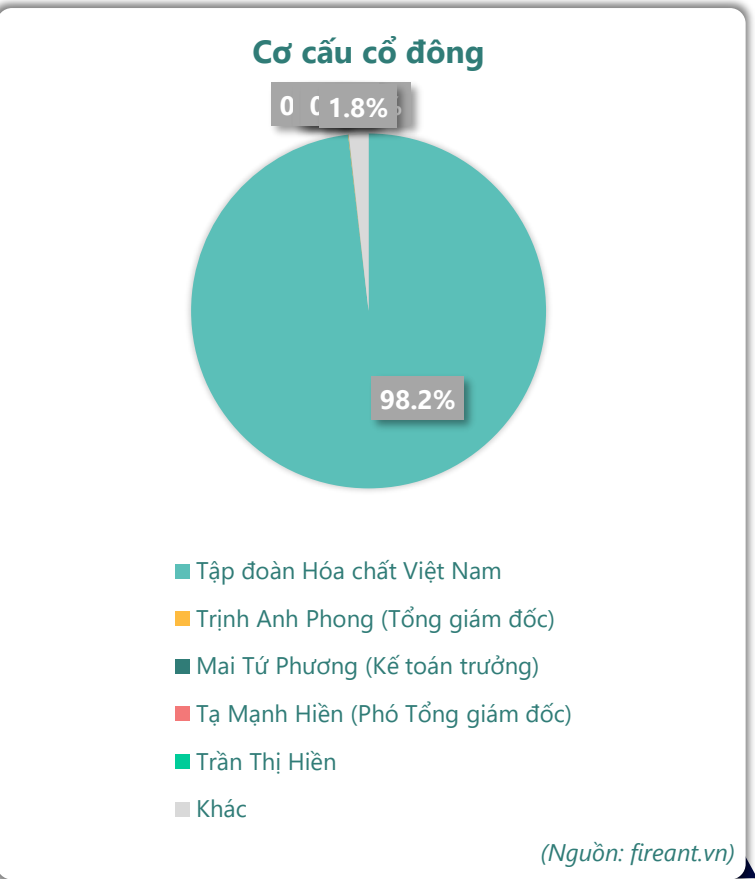
ROE (TTM) Q2/25
-0.2%
YoY: +/- ▼ 0.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,200 - 8,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	176
Số lượng CPLH (CP)	29,350,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,205
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.08)
EPS	-24
P/E	-248.6

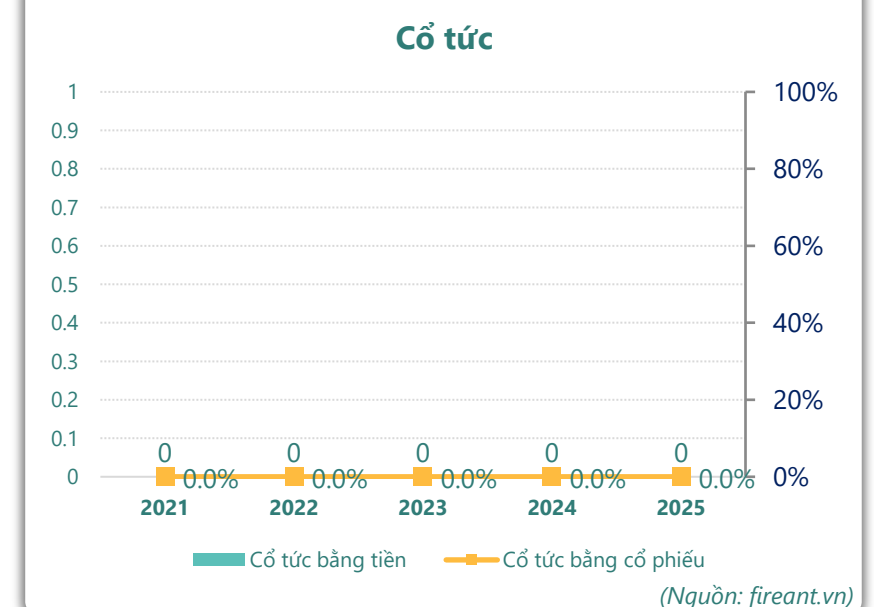
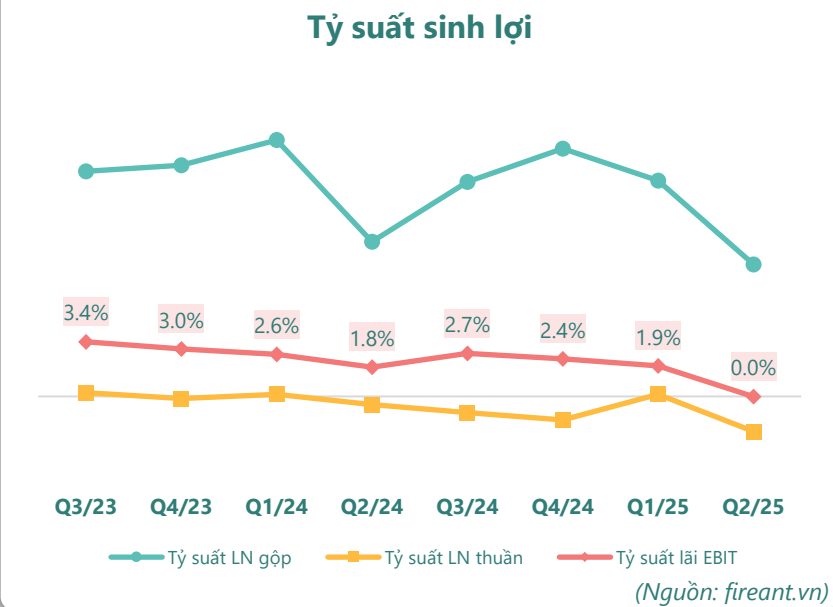
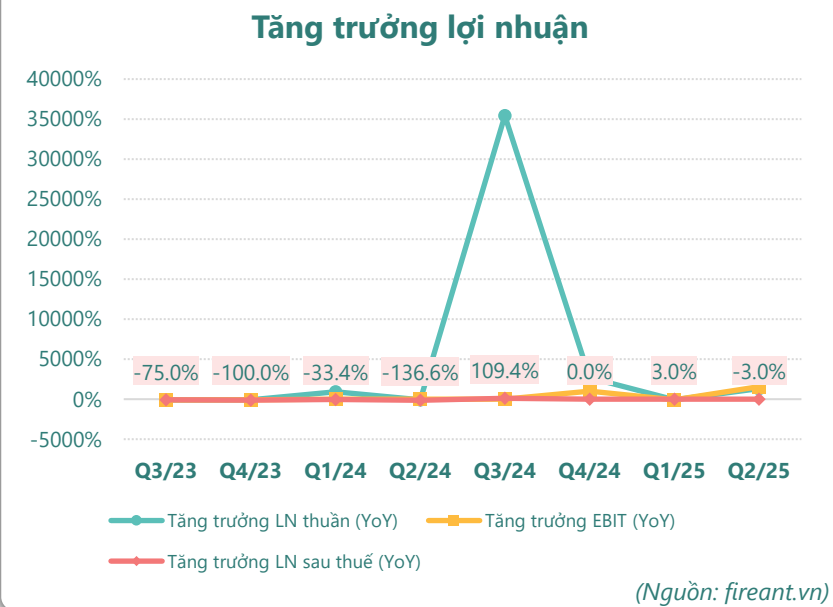
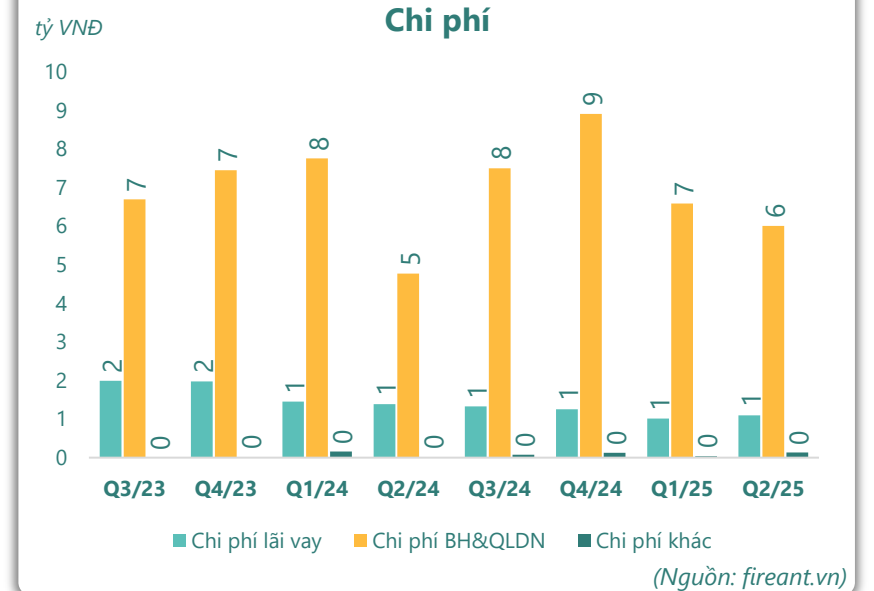
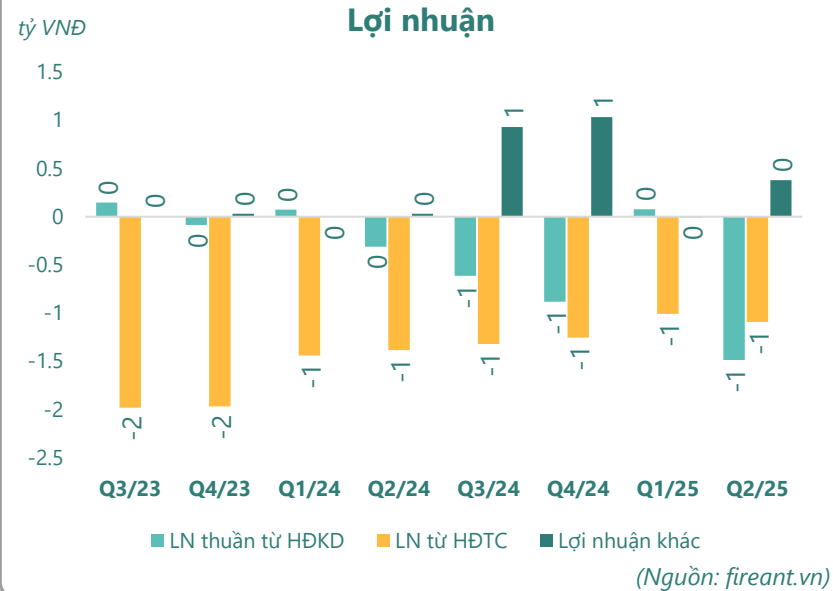
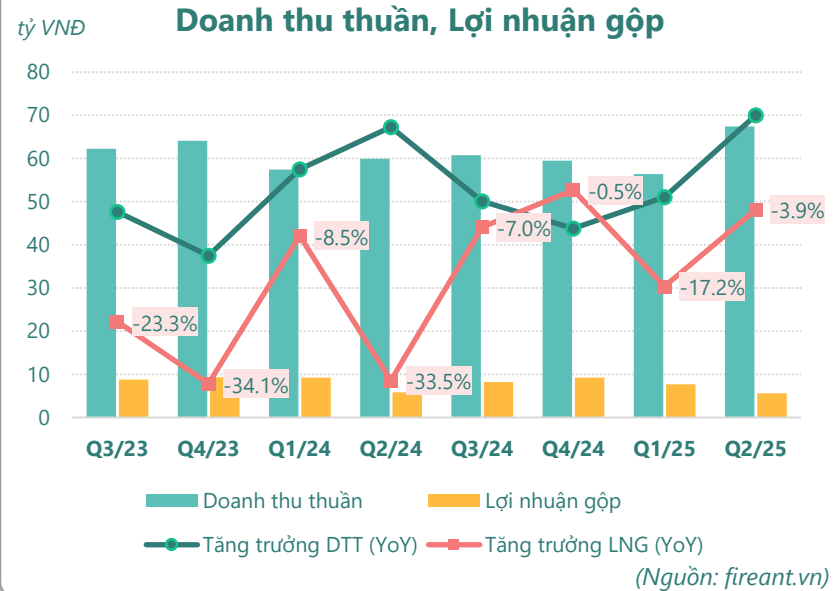
DT thuần 6T 2025
124
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.00 5.5%

LN thuần 6T 2025
-1.41
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 1.17 -490%

LN sau thuế 6T 2025
-1.04
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 0.82 -382%



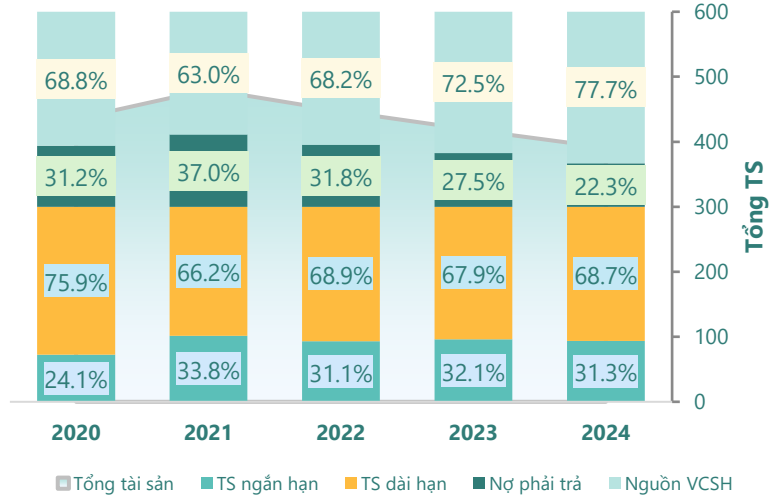
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

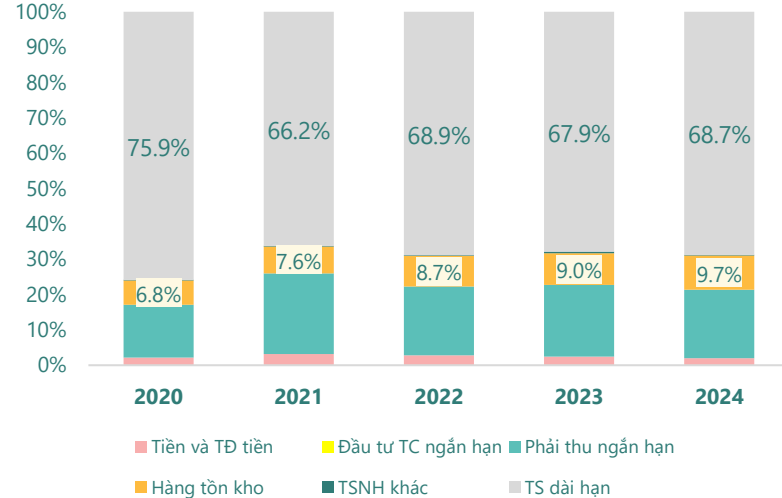
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

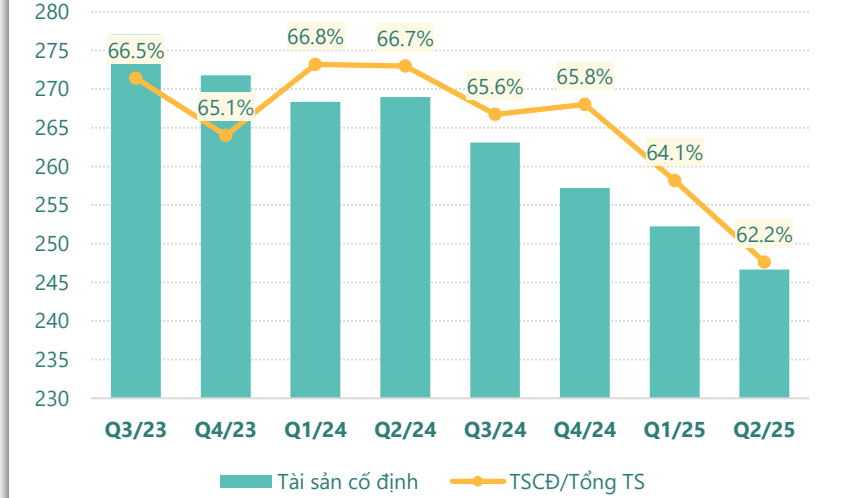
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

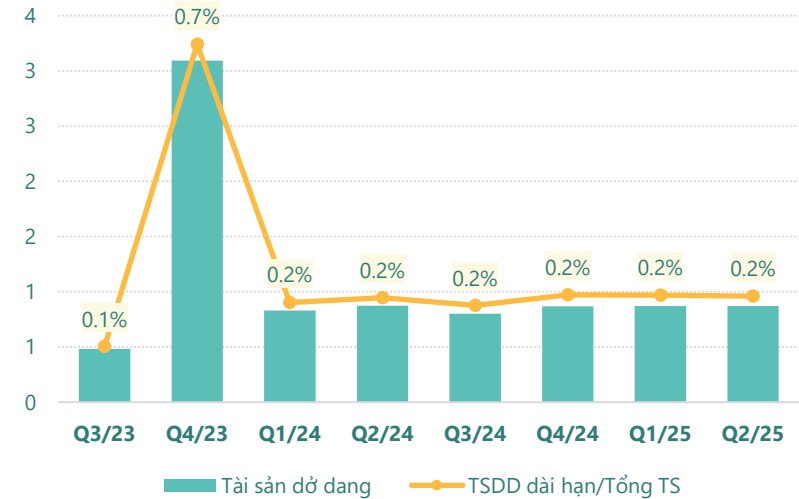
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

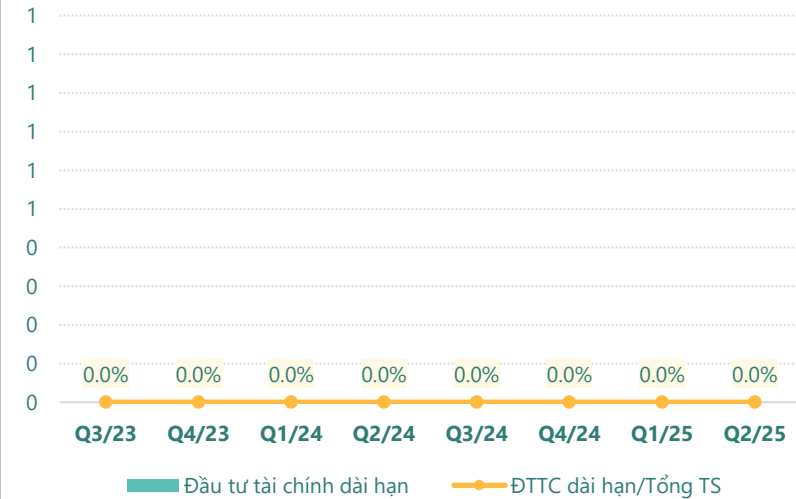
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

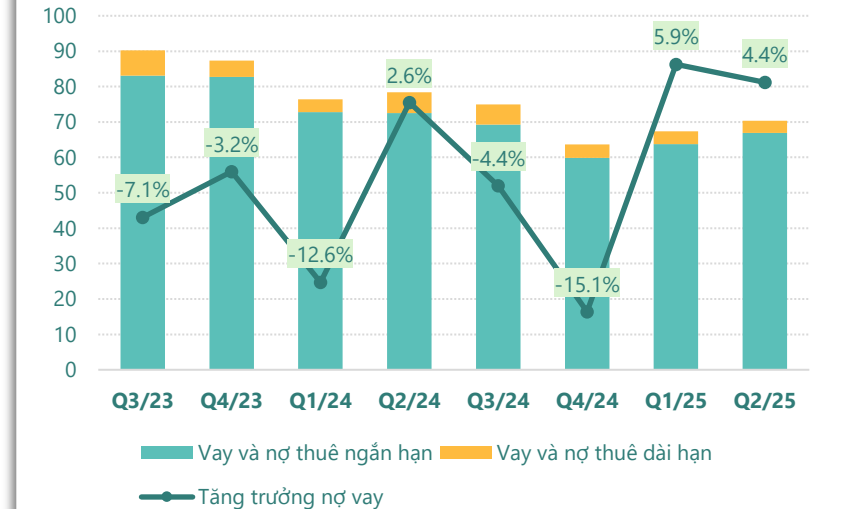
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

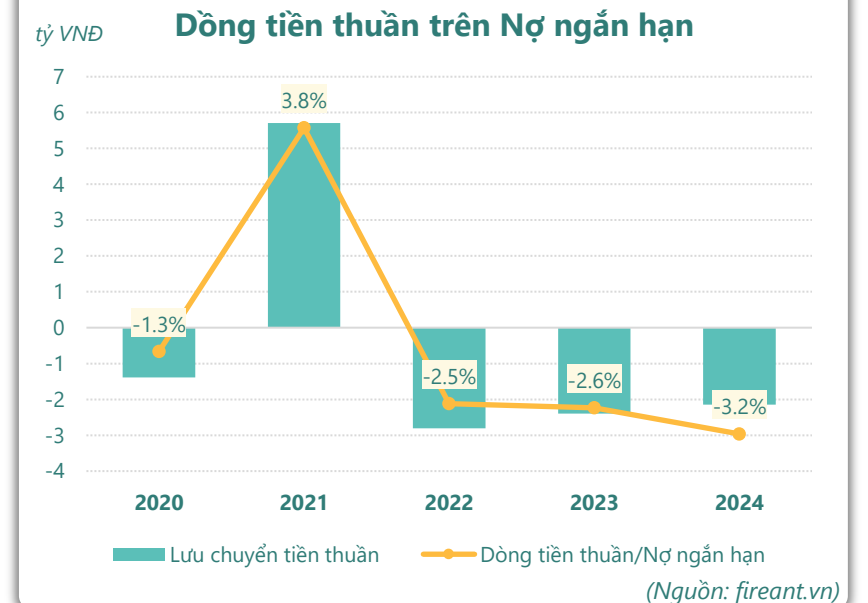
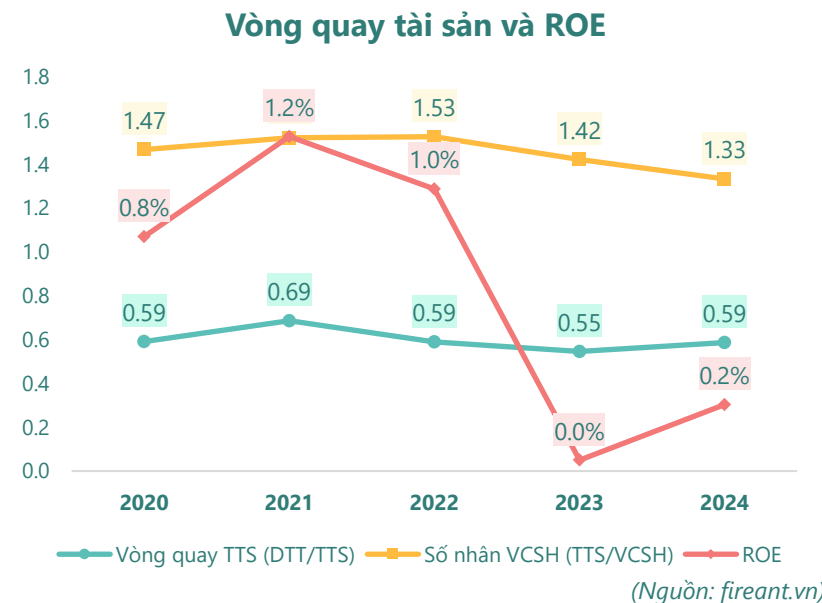
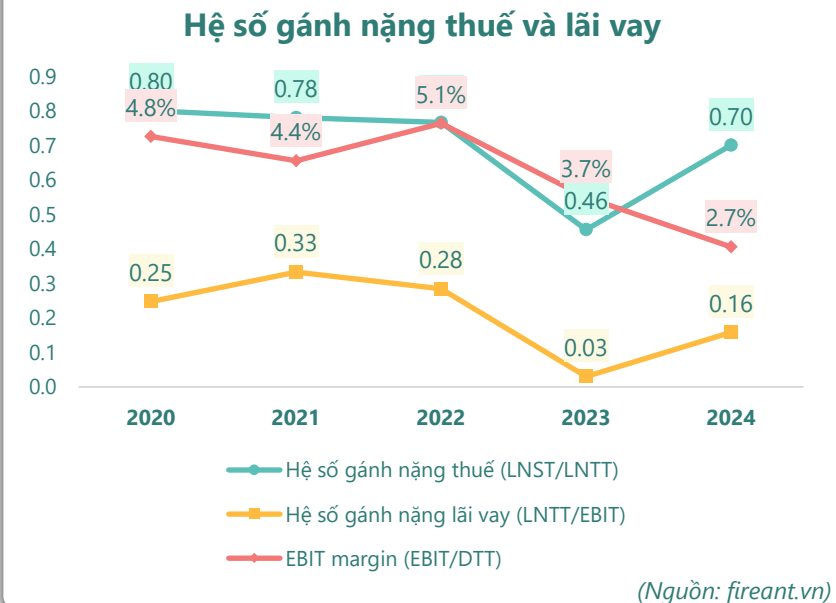
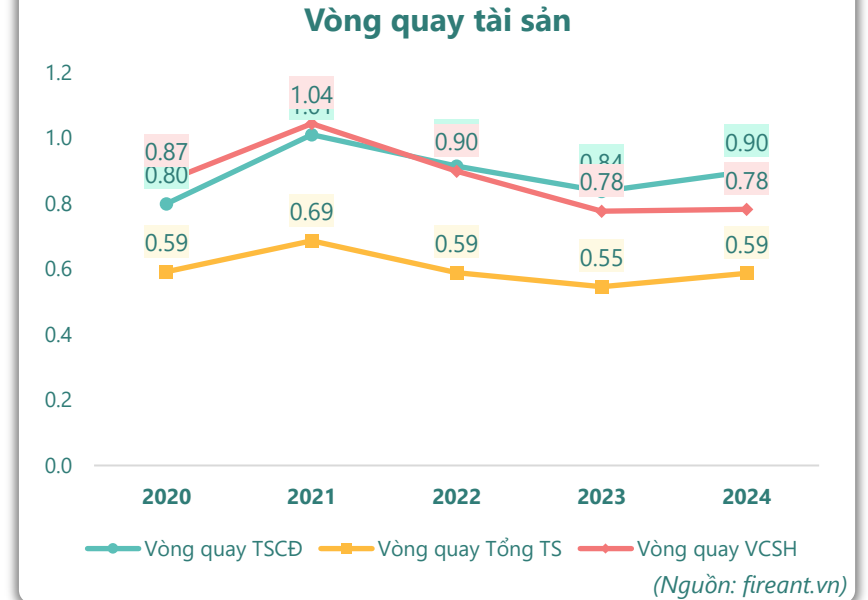
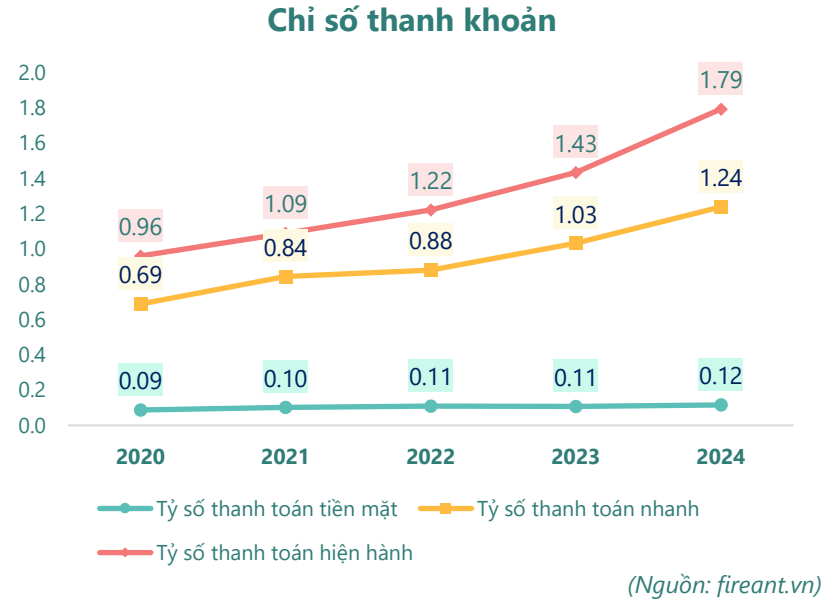
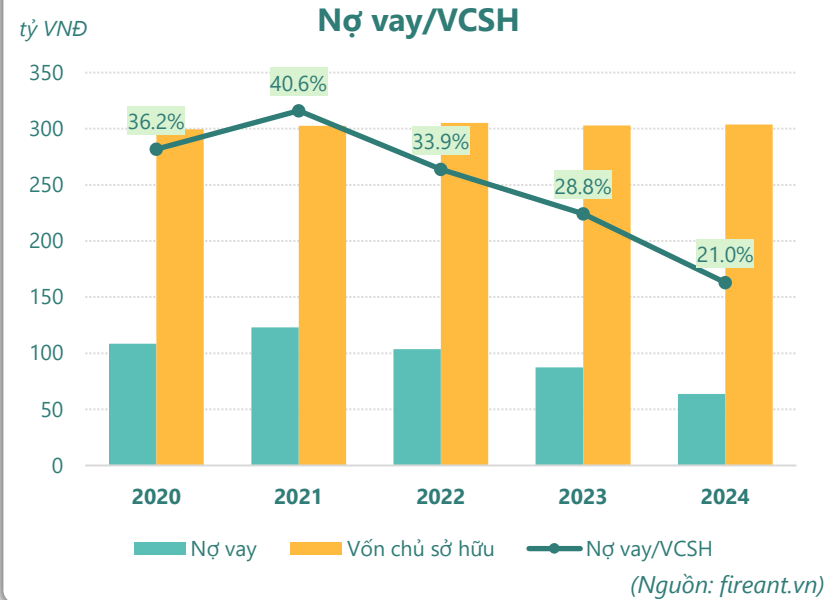
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	67.4	59.9	12.6%	124	117	5.5%
Giá vốn hàng bán	61.8	54.1	14.3%	111	102	8.2%
Lợi nhuận gộp	5.61	5.84	-3.9%	13.3	15.1	-12.1%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	-40.7%	0.01	0.02	-43.9%
Chi phí TC	1.10	1.39	-20.9%	2.11	2.84	-25.7%
Chi phí lãi vay	1.10	1.39	-20.9%	2.11	2.84	-25.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.29	1.78	28.8%	4.11	4.12	-0.2%
Chi phí QLDN	3.72	2.99	24.3%	8.48	8.41	0.9%
LN thuần từ HĐKD	-1.49	-0.31	-380%	-1.41	-0.24	-490%
Lợi nhuận khác	0.38	0.03	1165%	0.37	0.02	1443%
LN trước thuế	-1.11	-0.28	-296%	-1.04	-0.22	-382%
Lợi nhuận sau thuế	-1.09	-0.27	-305%	-1.04	-0.22	-382%
LNST của CĐ cty mẹ	-1.09	-0.27	-305%	-1.04	-0.22	-382%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.53	5.61	5.43	12.3	0.57	0.76
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-6.05	-0.01	-0.50	0	-1.15
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.9	1.89	-5.81	-11.7	2.67	4.02
Tiền đầu kỳ	10.0	6.71	8.16	7.77	7.90	11.1
Lưu chuyển tiền thuần	-3.34	1.46	-0.39	0.12	3.24	3.62
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.71	8.16	7.77	7.90	11.1	14.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	397	391	1.5%
Tài sản ngắn hạn	141	122	15.2%
Tiền và tương đương tiền	14.8	7.90	86.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.00	0	
Phải thu ngắn hạn	88.4	75.7	16.7%
Hàng tồn kho	35.9	37.8	-5.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.78	0.80	-3.0%
Tài sản dài hạn	256	269	-4.8%
Phải thu dài hạn	0.58	0.78	-25.4%
Tài sản cố định	247	257	-4.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.87	0.87	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	7.80	9.92	-21.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	94.2	87.4	7.9%
Nợ ngắn hạn	76.2	68.2	11.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	66.9	59.4	12.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.14	5.10	20.3%
Nợ dài hạn	18.1	19.2	-5.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.38	4.27	-20.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	303	304	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	303	304	-0.4%
Vốn điều lệ	294	294	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

